

# TỪ Ý KIẾN CỦA HOÀI THANH VỀ CON NGƯỜI CÁ NHÂN, NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ CON NGƯỜI CÁ NHÂN TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

PHẠM THỊ HỒNG \*

**Tóm tắt:** Xuất phát từ ý kiến của Hoài Thanh và một số nhà phê bình văn học đương đại bàn về vấn đề con người cá nhân trong văn học trung đại Việt Nam, bài viết đã đưa ra những luận điểm và phương pháp luận cơ bản nhằm giải quyết vấn đề con người cá nhân hay con người cộng đồng phi cá nhân trong văn học trung đại.

**Từ khóa:** Hoài Thanh, con người cá nhân, văn học trung đại Việt Nam, con người cộng đồng.

Vấn đề có hay không con người cá nhân trong văn học trung đại Việt Nam là vấn đề khá phức tạp. Vấn đề này đã được nêu lên từ đầu thế kỉ XX và cho đến nay vẫn thu hút được nhiều sự quan tâm của giới nghiên cứu văn học. Trong bài viết này, từ quan điểm của Hoài Thanh về con người cá nhân, chúng tôi sẽ rút ra những luận điểm cơ bản và phương pháp luận nhằm làm rõ vấn đề có hay không con người cá nhân trong văn học Việt Nam trung đại. Phương pháp này như ta sẽ thấy, chủ trương quy con người Việt Nam truyền thống về các mối quan hệ mà quan hệ gia đình được đặt làm nền tảng, từ đó mở rộng ra quan hệ làng, nước. Tức là trước hết phải xét vấn đề từ cái gốc ứng xử văn hóa.

## 1. Ý kiến của Hoài Thanh về con người cá nhân trong: “Thành thực và tự do trong văn chương” và “Một thời đại trong thi ca”

Năm 1939, trên báo *Tao đàn*, Hoài Thanh viết bài *Thành thực và tự do trong văn chương*, bàn về nguyên nhân vì sao văn chương truyền thống của Việt Nam lại nghèo nàn xét về sự phong phú cá tính sáng tạo. Tác giả đã lập luận bằng cách so sánh: “Ta hãy mở pho văn học sử nước Pháp chẳng hạn. Trong khoảng hơn bốn trăm năm, biết bao nhà văn có tiếng, mỗi nhà văn có một đặc sắc riêng, khác nhau từ lời văn, ý văn, cho đến quan niệm văn

chương. Rồi ta nhìn lại văn chương ta, cái cảnh tượng rục rờ kia tìm đâu thấy. Một bên là cả một đám rừng sâu hoa thơm cỏ lạ không thiếu một thứ gì. Một bên là một khoảng đồng khô khan, lơ thơ mấy cụm cây như rụt rè, e sợ dưới ánh nắng gay gắt của mặt trời”<sup>(1)</sup>. Tất nhiên, ở đây Hoài Thanh muốn cổ vũ cho văn học mới theo mẫu hình châu Âu nên đã cực đoan khi nhận định về văn học Việt Nam truyền thống. Nhưng quả thực là những khuôn mẫu, quy phạm, ước lệ, những quan niệm “thuật nhi bất tác” của quá khứ đã đè nặng lên tâm lý sáng tác của các tác giả thời trung đại nên cá tính sáng tạo của các nhà văn thời kỳ này bị lu mờ.

Truy tìm nguyên nhân trên, theo Hoài Thanh có hai lý do: sự đàn áp của chế độ chuyên chế mấy nghìn năm; sự kiềm chế của xã hội. Sự can thiệp của chế độ chuyên chế chỉ có hại cho văn học, vì nó dẫn đến những phép tắc làm văn chương hẹp hòi và không có sự sáng tạo. Mặt khác, sự ràng buộc của xã hội, cái xã hội coi thường cá nhân đã làm nghèo nàn văn chương. Ông cho rằng: “Những dây quan hệ quá chặt chẽ nó ràng buộc mọi người trong xã hội. Cá nhân, cái bản sắc của cá nhân là một điều huyền tưởng, một điều không có... Đã

<sup>(\*)</sup> ThS Văn học, NCS Khoa Văn học, Học viện Khoa học xã hội.

<sup>(1)</sup> Hoài Thanh, *Tao Đàn*, số 6, ngày 16/5/1939.

thế, một dân tộc khinh miệt cá nhân, không biết đến cá nhân, không thể có được một nền văn chương phong phú là sự tất nhiên<sup>(2)</sup>. Hoài Thanh đặt con người trong quan hệ với “đoàn thể”- khái niệm “đoàn thể” này đã được Phạm Quỳnh sử dụng trong bản dịch bài viết của Crayssac (Nhà Việt Nam học người Pháp) - tức là những dạng thức cộng đồng như gia đình, làng xã, mở rộng ra là những thiết chế xã hội để thấy rõ cái cá nhân bị tan biến, chìm đắm như giọt nước trong làn sóng. Những ý tưởng và ngôn từ ở bài viết này sẽ được triển khai tiếp trong bài viết mở đầu *Thi nhân Việt Nam* của ông. Tuy nhiên, Hoài Thanh chỉ mới trình bày chung chung về việc “chế độ chuyên chế mấy nghìn năm đã đàn áp dân ta”, đặc biệt ông nhấn mạnh trở lực do chế độ chuyên chế tạo ra, về việc “chính quyền can thiệp vào văn học” chứ không đi sâu vào các phương pháp của xã hội học, văn hóa học hay kinh tế học như Crayssac và Phan Khôi đã làm. Ông chỉ đưa ra hậu quả thiếu vắng con người cá nhân, mà sự thiếu vắng này biểu hiện rõ nhất là ở sự “thành thực”. Theo ông, “văn chương ta buồn tẻ nghèo nàn, các nhà văn ta ít thấy khác nhau chỉ vì họ tự dối mình vì họ không đủ cái thành thực để phô diễn tâm linh của mình, vì họ tự hãm mình vào vòng khách sáo. Khách sáo chính là cái vỏ mà đoàn thể phủ trên mình, trên linh hồn cá nhân<sup>(3)</sup>”.

Đến tháng 11 năm 1941, trong bài viết quan trọng giới thiệu tuyển tập *Thi nhân Việt Nam* với nhan đề *Một thời đại trong thi ca*, Hoài Thanh đã xuất phát từ luận điểm: “Sự gặp gỡ phương Tây là cuộc biến thiên lớn nhất trong lịch sử Việt Nam từ mấy mươi thế kỷ<sup>(4)</sup>” ông đưa ra so sánh Đông - Tây, so sánh trung đại và hiện đại chịu ảnh hưởng phương Tây về con người cá nhân trong thi ca. Từ so sánh với con người cá nhân của văn hóa phương Tây, ông làm nổi bật con người cộng đồng phi cá nhân của văn hóa phương Đông. Có thể

nói, đây là bài viết hệ thống hóa tương đối đầy đủ các lập luận khác nhau nhằm chỉ ra những đặc điểm của con người phi cá nhân mà ông gọi là “chữ ta” trong văn hóa và văn học để từ đó nêu bật sự mới mẻ chưa từng có của thơ mới. Ông đã so sánh một cách triệt để thi ca hai thời đại: thời xưa - tức là thời kỳ trước thế kỷ XX, và thời nay - thời đại chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp - với định tính không hề mập mờ, mơ hồ về hai kiểu con người khác nhau, khác nhau từ quan hệ xã hội đến sự thể hiện trong thơ. Phương pháp xác định cái ta là tìm xem nó có tồn tại và bị hy sinh trong quan hệ cộng đồng hay không: “Cứ đại thể thì tất cả tinh thần thời xưa - hay thơ cũ - và thời nay - hay thơ mới - có thể gom lại trong hai chữ *tôi* và *ta*. Ngày trước là thời chữ *ta*, bây giờ là thời chữ *tôi*. Nói giống nhau thì vẫn có chỗ giống nhau như chữ *tôi* vẫn giống chữ *ta*. Nhưng chúng ta hãy tìm những chỗ khác nhau. Ngày thứ nhất - ai biết đích xác ngày nào - chữ *tôi* xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thực bỏ ngỡ. Nó như lạc loài nơi đất khách, bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân. Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân, chỉ có đoàn thể: lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình. Còn cá nhân, cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả<sup>(5)</sup>. Con người trong thơ mới, do nằm trọn vẹn trong vòng chữ *tôi*, đã trình diện sự đa dạng của cái tôi cá nhân chưa từng thấy trong lịch sử: “Đời chúng ta nằm trong vòng chữ *tôi*. Mất bề rộng ta đi tìm

<sup>(2)</sup> Theo: Phan Trọng Thuồng - Nguyễn Cừ - Vũ Thanh - Trần Nho Thìn, sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu, *10 thế kỷ bàn luận về văn chương (từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XX)*, tập 3, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 194.

<sup>(3)</sup> Theo: *10 thế kỷ bàn luận về văn chương (từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XX)*, tập 3, Sđd, tr. 196.

<sup>(4)</sup> Hoài Thanh - Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Nxb. Văn học, 2006, tr. 19.

<sup>(5)</sup> *Thi nhân Việt Nam*, Sđd, tr. 58 - 59.

<sup>(6)</sup> *Thi nhân Việt Nam*, Sđd, tr. 46.

bề sâu. Nhưng càng sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu...”<sup>(6)</sup>. Cũng như các phân tích của những nhà nghiên cứu đã dẫn trên đây, Hoài Thanh đã đặt con người trong truyền thống văn hóa Việt Nam vào các mối quan hệ - quan hệ với cộng đồng lớn là quốc gia, với cộng đồng nhỏ là gia đình. Khái niệm “đoàn thể” mà Phạm Quỳnh năm 1926 dùng để dịch bài viết của René Crayssac lại thấy xuất hiện ở đây. Dường như, sau gần hai chục năm kể từ khi xuất hiện bài viết đó, giới phê bình đã chấp thuận phương pháp trình bày về áp lực của hai kiểu cộng đồng làm thui chột sự hình thành của con người cá nhân trong đời sống và trong văn học truyền thống. Ông nhắc lại hình ảnh ông đã dùng trong bài viết hai năm trước *Thành thực và tự do trong văn chương* - trong xã hội Việt Nam truyền thống, cá nhân chìm đắm trong gia đình, quốc gia như giọt nước trong biển cả. Hoài Thanh phân tích chi tiết hơn về con người trong thi văn trung đại: “Thảng hoặc họ cũng ghi hình ảnh họ trong văn thơ. Và thảng hoặc trong văn thơ họ cũng dùng đến chữ *tôi* để nói chuyện với người khác. Song dầu tảo bạo đến đâu họ cũng không một lần nào dám dùng chữ *tôi*, để nói với mình”<sup>(7)</sup>.

Trong đoạn văn trên, Hoài Thanh phân tích sự biểu hiện chủ thể trong tác phẩm văn học trung đại. Theo ông, các nhà thơ, nhà văn trung đại e ngại bộc lộ cái con người cá nhân của riêng mình - ví dụ ngại thổ lộ tình yêu riêng tư của chính mình lên trang giấy. Tình yêu riêng tư thì con người ở thời đại nào cũng có, nhưng việc giải bày hay không trên trang giấy, “phô phang” với người ngoài là chuyện khác. Vậy thì tốt nhất là trốn vào “đoàn thể” tức là cộng đồng, cầu cứu đoàn thể; nói về tình yêu vợ chồng thì dùng “mặt nạ” người chinh phụ, một hình ảnh quen thuộc có

tính khuôn mẫu; nói về tình yêu nam nữ thì mượn cốt truyện của người khác (như Nguyễn Du đã dựa vào cốt truyện *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm tài nhân mà viết *Truyện Kiều*) để dưới hình thức kể lại câu chuyện của người khác, mượn “mặt nạ” mà bày tỏ quan niệm riêng của mình. Vì thế, ở buổi đầu khi các nhà thơ mới trực diện thể hiện cái tôi đã gặp không ít sự phản đối của cách nhìn cũ. Hoài Thanh cho rằng cái tôi cá nhân đó như lạc loài nơi đất khách - một cách diễn đạt không thể tinh tế hơn.

## 2. Một số ý kiến đương đại về vấn đề con người cá nhân của văn học trung đại

Điều đáng chú ý là gần đây, ý kiến của giới nghiên cứu về vấn đề con người phi ngã đã có những thay đổi và khác biệt, cụ thể là có quan điểm cho rằng, ngay ở văn học thời trung đại cũng có cái tôi cá nhân. Điều làm nên sự khác biệt này là do phương pháp và luận chứng khác nhau.

Từ cuối những năm 1980, Lê Trí Viễn đã nói đến con người vô ngã/hữu ngã của văn học trung đại như là hai xu thế đấu tranh thường xuyên trong văn học trung đại và xu hướng là đi từ con người vô ngã sang con người hữu ngã. Quá trình ấy, ông cho là manh nha từ thế kỷ XV với Nguyễn Trãi và đạt đến đỉnh cao trong văn học thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX. Trần Đình Sử trong *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam* lại cho rằng, con người cá nhân đã được đề cập từ trong văn học thời Lý - Trần, tức là sớm hơn cái mốc thế kỷ XV của Lê Trí Viễn.

Gần đây, trên tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 6, chuyên đề kỷ niệm 80 năm Thơ mới, Trần Đình Sử đã trở lại vấn đề con người phi cá nhân của văn học trung đại mà Hoài Thanh đã từng nhận định.

Trong bài viết năm 1999, nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Chú một mặt thừa nhận quan điểm cho rằng văn học trung đại có

<sup>(7)</sup> *Thi nhân Việt Nam*, Sđd, tr. 59.

tính phi ngã, vô ngã là đúng, nhưng mặt khác lại yêu cầu tránh sự đơn giản hóa vấn đề, yêu cầu chú ý đến cái “ngã” trong các học thuyết. Ông cho rằng, trong khi chủ trương vô ngã, Nho giáo và Phật giáo lại đòi hỏi cái bản ngã để đạt tới vô ngã.

Trong số các nhà nghiên cứu hiện đại, Trần Đình Hượu đã chú ý đến phương pháp biện luận vấn đề con người cá nhân có những điểm tương đồng với cách trình bày của giới phê bình trước 1945. Ông đã lưu ý đến đặc điểm của xã hội kiểu xã hội luân thường và kiểu con người “phận vị”, tức là con người chức năng trong xã hội luân thường đó. Tiếp cận từ mô hình tổ chức xã hội theo Nho giáo, Trần Đình Hượu cho rằng: “Con người nhìn theo cách hình dung của Nho giáo, kể cả trong xã hội lý tưởng của họ, sống theo trật tự đẳng cấp. Cái định giá con người là tước vị. Trong cuộc sống cộng đồng, xã hội hay nhà nước cũng hình dung thành gia đình, mỗi người hoặc là cha, hoặc là con, hoặc là anh, hoặc là em, hoặc là vợ, hoặc là chồng, hoặc là vua, hoặc là tôi, tức là có một chức năng luân thường. Giá trị con người là ở đạo đức, tức là hoàn thành tốt hay xấu chức năng của mình. Nhân cách độc lập của con người bị xóa đi sau thang bậc đẳng cấp, sau chức năng luân thường của nó, đến mức biến thành một điểm để xác định các quan hệ (trên dưới theo đẳng cấp, cha con vua tôi theo luân thường) căn cứ vào đó mà cảm xúc, suy nghĩ, nói năng, hành động”<sup>(8)</sup>. Vẫn theo mạch tư tưởng này, song ông đề cập đến tình trạng coi thường, vùi dập, phủ nhận con người cá nhân, tức là các hậu quả phi nhân bản của thiết chế xã hội truyền thống vốn thù địch với con người cá nhân.

Khái niệm “con người cộng đồng” với các tầng bậc quan hệ suy từ gia đình mở rộng ra xã hội, và cách xem xét con người truyền thống trong các quan hệ gia đình đã được những nhà phê bình trước năm 1945 như: Crayssac, Phan Khôi, Trương Tửu, Hoài Thanh,... sử dụng và phân tích.

Tuy nhiên, trong công trình này, Trần Đình Hượu cũng nhìn thấy một phương diện khác mà Trần Đình Sử và gần đây, Nguyễn Đình Chú cũng đề cập: để thực hiện con người vô ngã thì phải có ý thức cao về bản thân, tức là đề cập đến ý chí chủ quan của cá nhân, bất chấp các thiết chế xã hội khách quan. Trần Đình Hượu lưu ý rằng những nhân cách cao thượng, bất khuất, có lòng nhân ái cao, hi sinh vì nghĩa chỉ có thể đạt được khi có ý thức cao về bản thân. Nhưng điều quan trọng là Trần Đình Hượu đã thấy được cái thế cô đơn, bơ vơ của ý chí muốn đề cao cá nhân (như trong thơ ca Nguyễn Công Trứ) trong một thiết chế xã hội phong kiến kim kẹp, khống chế con người cá nhân.

### 3. Phương pháp tiếp cận con người cá nhân trong văn học trung đại Việt Nam

Như vậy, vấn đề có hay không con người cá nhân trong văn học trung đại tưởng như đã được giải quyết từ trước 1945 nhưng hóa ra vẫn còn là vấn đề không hề đơn giản. Việc giới nghiên cứu hiện đại xem xét lại một cách khoa học vấn đề này là điều hoàn toàn bình thường, phù hợp với xu thế phát triển của phê bình và lý luận văn học hiện nay. Tuy nhiên, có hai điểm mà chúng tôi muốn trao đổi thêm với giới nghiên cứu và phê bình văn học từ thực tế trên.

*Một là*, lịch sử văn học là liên tục, dấu cho ở giai đoạn văn học nhất định có sự đột biến hay khúc quanh so với giai đoạn trước đó thì sự biến đổi đó vẫn được nhìn nhận từ sự so sánh với giai đoạn trước. Ta sẽ giải thích thế nào về phạm trù văn học trung đại và phạm trù văn học hiện đại nếu con người của cả hai thời đại đều là con người cá nhân? Nếu khẳng định rằng từ văn học trung đại đã có con người cá nhân thì giải thích như thế nào về hàng loạt những thay đổi lớn diễn ra không chỉ trong giai đoạn giao thời từ 1900 đến 1932

<sup>(8)</sup> Trần Ngọc Vương giới thiệu và tuyển chọn, *Trần Đình Hượu tuyển tập*, tập 1, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 94.

mà cả từ 1932 đến 1945 về nhiều phương diện. Nếu như con người cá nhân đã xuất hiện trong văn học từ thời Lý - Trần và đến cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX đã thành thực thì tại sao văn học lãng mạn lại gây được những hiệu ứng mạnh mẽ về chủ đề đấu tranh chống lại áp chế gia đình và cảm hứng ra đi trong văn học nửa đầu thế kỷ XX mà văn học trung đại không có được? Sự khác nhau giữa con người cá nhân thời này với con người cá nhân của văn học trung đại, nếu như có thực, là gì? Đây quả thực là một số vấn đề mà chúng tôi còn thấy cần tiếp tục nghiên cứu.

*Hai là*, cần xây dựng phương pháp xác định con người cá nhân. Có cảm tưởng hiện nay, lý luận và phương pháp nghiên cứu con người cá nhân ở ta chưa được chặt chẽ và hệ thống. Về lý thuyết, con người có thiên hướng khẳng định cá nhân, nhưng các thiết chế - từ các thiết chế gia đình, xã hội, quốc gia, đạo đức, luật pháp, tôn giáo... có cho phép thiên hướng đó hiện thực hóa hay không là một chuyện hoàn toàn khác mà các nhà nghiên cứu chưa đề cập. Nếu có đấu tranh cho quyền về cá nhân thì cuộc đấu tranh đó đã diễn ra như thế nào trong văn học truyền thống? Điều quan trọng là xác lập phương pháp phân tích văn bản văn học, từ vấn đề đại từ nhân xưng trong thơ đến các loại cảm xúc, cảm hứng, ngôn từ như một số nhà phê bình trước 1945 đã đề cập hay các nhà Đông phương học người Tây phương nêu lên. Tất cả những vấn đề đó cần được giải quyết thì câu chuyện mới kết luận được.

Chúng tôi cho rằng dường như đã có xu hướng nghiên cứu chuyên sâu của giới nghiên cứu hiện đại về cơ chế hình thành con người cá nhân trong văn học trong điều kiện của xã hội phong kiến chuyên chế. Ví dụ, Đỗ Lai Thúy nghiên cứu Hồ Xuân Hương từ góc độ hoài niệm văn hóa phần thực. Trần Ngọc Vương tìm hiểu áp lực của thể chế cực quyền trong xã hội chuyên chế phương Đông và các cách hiện thực hóa của con người cá nhân như: anh

hùng hào kiệt; ẩn sĩ; thiên gia; nhà nho tài tử; giang hồ hiệp khách. Trần Nho Thìn trong công trình mới xuất bản gần đây đã lưu ý đến các cấm kỵ của xã hội phong kiến và những phương thức đối phó cấm kỵ phức tạp của nhà văn, nhà thơ trong xã hội phong kiến chuyên chế đoán như gửi gắm tư tưởng, tâm sự qua đề tài lịch sử, lấy xưa nói nay; qua hình tượng người phụ nữ để nói về khát vọng yêu đương; qua nhân vật lịch sử Trung Quốc để nói về thân phận hay nhân cách kẻ sĩ; mượn cốt truyện nước ngoài... Phải chăng đó là hướng đi có thể giúp chúng ta hiểu đúng đắn con người trong văn học trung đại mà lại phản ánh đúng quan hệ xã hội tỏa chiếu con người cá nhân của xã hội phương Đông ?

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Gia Trinh, *Tính cách văn chương Việt Nam trước thời kỳ Âu hóa, Thanh Nghị*, các số 2,3,4/ 1941.
2. Hoài Thanh - Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2006.
3. Phan Khôi - *tác phẩm đăng báo 1928*, Lại Nguyên Ân sưu tầm, biên soạn, Nxb. Đà Nẵng, 2003.
4. Nguyễn Ngọc Thiện (Chủ biên), *Tuyển tập phê bình, nghiên cứu văn học Việt Nam (1900 - 1945)*, tập III, Nxb. Văn học, 1997.
5. *Trần Đình Hượu tuyển tập*, tập 1, Trần Ngọc Vương giới thiệu và tuyển chọn, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007.
6. Trần Nho Thìn, *Văn học Việt Nam (từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2012.
7. Phong Lê, *Hiện đại hóa và đổi mới văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.
8. Phan Trọng Thuồng - Nguyễn Cừ - Vũ Thanh - Trần Nho Thìn, sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu, *10 thế kỉ bàn luận về văn chương (từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XX)*, tập 3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007.
9. René Crayssac, *Truyện Kiều và xã hội Á Đông*, Thượng Chi dịch từ Pháp văn, *Nam Phong*, các số 111 và 112 (tháng 11 và 12), 1926.